

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 144/2004/NĐ-CP ngày 14/7/2004 về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra thể dục thể thao.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Thể dục, thể thao ngày 25 tháng 9 năm 2000;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thể dục Thể thao;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thanh tra thể dục thể thao

Thanh tra thể dục thể thao là thanh tra chuyên ngành về thể dục, thể thao thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra thể dục thể thao

Đối tượng của Thanh tra thể dục thể thao là tổ chức và cá nhân Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài; tổ chức và cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực thể dục, thể thao trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Thể dục Thể thao.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra thể dục thể thao

Hoạt động của Thanh tra thể dục thể thao chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, trung thực, kịp thời và khách quan. Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của Thanh tra thể dục thể thao.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA THANH TRA THỂ DỤC THỂ THAO

Điều 4. Tổ chức của Thanh tra thể dục thể thao

Tổ chức của Thanh tra thể dục thể

09539061

thao gồm: Thanh tra Ủy ban Thể dục Thể thao (gọi tắt là Thanh tra Ủy ban) và Thanh tra Sở Thể dục Thể thao hoặc Thanh tra Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao (gọi chung là Thanh tra Sở).

Thanh tra Ủy ban, Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và Cộng tác viên thanh tra. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Luật Thanh tra.

Điều 5. Tổ chức của Thanh tra Ủy ban

Thanh tra Ủy ban Thể dục Thể thao là cơ quan của Ủy ban Thể dục Thể thao có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao quản lý nhà nước về công tác thanh tra và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Thanh tra Ủy ban do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao chỉ đạo và trực tiếp quản lý, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về công tác tổ chức, nghiệp vụ thanh tra. Thanh tra Ủy ban có con dấu riêng.

Tổ chức và biên chế của Thanh tra Ủy ban do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao quyết định.

Điều 6. Tổ chức của Thanh tra Sở

Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Thể dục Thể thao (Sở Văn hóa - Thông tin và

Thể thao), có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

Thanh tra Sở do Giám đốc Sở Thể dục Thể thao hoặc Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao trực tiếp quản lý, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Ủy ban, sự chỉ đạo công tác tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thanh tra Sở có con dấu riêng.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA THỂ DỤC THỂ THAO

Điều 7. Nhiệm vụ của Thanh tra Ủy ban

1. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về Thanh tra thể dục thể thao; xây dựng, trình và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác thanh tra thể dục, thể thao hàng năm do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao phê duyệt.

2. Thanh tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước, việc chấp hành chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Thể dục Thể thao.

3. Hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục Thể thao trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở.

Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra thể dục, thể thao cho Thanh tra viên, Cộng tác viên thanh tra của các đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục Thể thao, Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao.

5. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thanh tra của Ủy ban Thể dục Thể thao đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục Thể thao.

6. Báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao và Tổng Thanh tra Nhà nước.

7. Tuyên truyền, hướng dẫn công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Thể dục Thể thao.

8. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

9. Thanh tra công tác tổ chức đào tạo, huấn luyện, thi đấu - biểu diễn thể dục, thể thao, công tác tổ chức, quản lý đội tuyển thể dục, thể thao, hoạt động dịch vụ và truyền bá thể dục, thể thao.

10. Thanh tra việc xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và các công trình, trang thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao của các cơ sở thể dục, thể thao.

11. Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao xác minh, kết luận và kiến nghị xử lý khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao giao.

Điều 8. Nhiệm vụ của Thanh tra Sở

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổng hợp, báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng trong lĩnh vực thể dục, thể thao với Giám đốc Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Chánh Thanh tra Ủy ban Thể dục Thể thao và Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc Sở Thể dục Thể

thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

4. Thanh tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước, việc chấp hành pháp luật về lĩnh vực thể dục, thể thao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao.

5. Tuyên truyền, hướng dẫn công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao.

6. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

7. Thanh tra công tác quản lý hoạt động thể dục, thể thao, hoạt động dịch vụ thể dục, thể thao và các hoạt động khác trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi quản lý của Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao theo quy định của pháp luật.

8. Giúp Giám đốc Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao xác minh, kết luận và kiến nghị xử lý khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ

chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Thể dục Thể thao hoặc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao giao.

Điều 9. Quyền hạn của Thanh tra thể dục thể thao

Khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, Thanh tra thể dục thể thao được thực hiện các quyền hạn sau:

1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề liên quan tới việc thanh tra, kiểm tra.

2. Niêm phong tài liệu; kiểm kê tài sản; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tạm giữ tiền, tài sản liên quan đến vụ việc thanh tra theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, sửa chữa, khắc phục hậu quả do những vi phạm của các tổ chức, cá nhân gây ra trong hoạt động thể dục, thể thao.

4. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Trưng cầu giám định, sử dụng cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

6. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu

xét thấy việc thi hành quyết định gây trở ngại cho việc thanh tra.

7. Yêu cầu tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm trong hoạt động thể dục, thể thao; đề nghị các cơ quan chức năng thu hồi giấy phép và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ các hoạt động thể dục, thể thao nếu xét thấy các hoạt động này gây tác hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

8. Kiến nghị với Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan Thanh tra cấp trên về công tác quản lý, biện pháp ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật sau khi xác minh và kết luận vụ việc.

9. Khi tiến hành thanh tra nếu phát hiện dấu hiệu của tội phạm, phải chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Thanh tra thể dục thể thao

Khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, Thanh tra thể dục thể thao có nghĩa vụ, trách nhiệm:

1. Xuất trình Quyết định Thanh tra và Thẻ Thanh tra viên.

2. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra, không gây thiệt hại tới lợi ích hợp pháp của đối tượng thanh tra.

3. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết.

4. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mọi hành vi và quyết định của mình.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ủy ban

1. Đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao quyết định thanh tra, thành lập các đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, Cộng tác viên thanh tra thực hiện việc thanh tra theo quy định của pháp luật.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc giải thể cơ sở thể dục, thể thao nếu có căn cứ kết luận cơ sở đó vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

3. Tạm đình chỉ các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thể dục, thể thao và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Xử phạt theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở Thể dục Thể thao

Chánh Thanh tra Sở thực hiện các

quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Nghị định này theo thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở Thể dục Thể thao.

Điều 13. Thanh tra viên thể dục thể thao

Thanh tra viên là người được phân công làm công tác thanh tra tại tổ chức Thanh tra thể dục thể thao và được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

Khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, Thanh tra viên có quyền hạn, trách nhiệm:

1. Thực hiện quyền hạn quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 14. Cộng tác viên Thanh tra thể dục thể thao

Các tổ chức Thanh tra thể dục thể thao sử dụng cộng tác viên thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra. Khi được cấp có thẩm quyền huy động tham gia công tác thanh tra, Cộng tác viên thanh tra được tạo điều kiện cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định chế độ công tác và đãi ngộ đối với Cộng tác viên thanh tra.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra

1. Yêu cầu Đoàn Thanh tra, Thanh tra viên xuất trình Quyết định thanh tra, thẻ Thanh tra viên.

2. Khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với quyết định xử lý về thanh tra, hành vi của Thanh tra viên và kết luận thanh tra mà mình có căn cứ cho là không đúng.

3. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do các biện pháp xử lý không đúng pháp luật mà Đoàn Thanh tra hoặc Thanh tra viên gây ra.

4. Thực hiện các yêu cầu của Đoàn Thanh tra, Thanh tra viên.

5. Chấp hành các quyết định xử lý của Đoàn Thanh tra, Thanh tra viên theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 16. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra, được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở, hô lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra; lợi dụng quyền hạn thanh tra, vì động cơ

cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà kết luận thanh tra không đúng, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 19. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này theo thẩm quyền quản lý nhà nước về thể dục, thể thao.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 33/2004/CT-TTg ngày 23/9/2004 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra và đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới.

Để xây dựng tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các ngành, các cấp từ Trung ương, địa phương và cơ sở quán triệt một số vấn đề sau:

I. YÊU CẦU ĐỐI VỚI KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006 - 2010

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 cần đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện và sâu sắc hơn các mặt hoạt động kinh tế - xã hội gắn với hội nhập kinh tế quốc tế.

Cần đặt lên hàng đầu chất lượng của sự phát triển: tăng trưởng kinh tế nhanh với hiệu quả và sức cạnh tranh cao; bảo đảm cân đối kinh tế vĩ mô; phát huy